

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-5-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp

Bà Nguyễn Việt Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Tổ x, ấp xx, xã Phú L, huyện TP, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Chibaken Nodashi K xx-x, Japan.

(Chị C và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số xxx/2012 ngày x/x/2012.

Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm dẫn đến cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy, tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn, không thể tổ chức được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Chibaken Nodashi K, xx-x, Japan.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/5/2019. Chị C yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị C tự nguyện đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 743/2012 ngày 01/11/2012.

Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm và tính cách nên vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung. Đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không thể tổ chức được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/5/2019. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của VKSND tỉnh Đồng Nai: Tại Công văn số 575/VKS-DS ngày 09/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là người nước ngoài và đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tất cả đương sự trong vụ án gồm nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kim C và bị đơn – anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 743/2012 ngày 01/11/2012. Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Nguyễn Thị Kim C yêu cầu xin ly hôn, áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn T đều trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng thường có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, các bên đều nhất trí việc ly hôn. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T thực sự không hạnh phúc, các bên không còn mong muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T không còn cần thiết. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim C.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị C và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/5/2019. Chị C và anh T đều thống nhất giao cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Các bên đương sự đều xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 227, 228, 238, 474 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 123, 124, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim C đối với anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 743/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, đăng ký ngày 01/11/2012 không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 03/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000544 ngày 15/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị Kim C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng